

Số: 253/BC-UBND

Phong Thổ, ngày 17 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số Quý I, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2026

Thực hiện Công văn số 1426/SKHCN-BCVTCNTT ngày 14/4/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc Cung cấp số liệu về phát triển chính phủ điện tử, phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh quý I năm 2026 và Báo cáo kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số quý I năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2026, UBND xã Phong Thổ báo cáo, như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU QUÝ I NĂM 2026

1. Hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật

- Ủy ban nhân dân xã được kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước.
- Có kết nối Internet cáp quang và mạng LAN nội bộ.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công tác chuyên môn.
- Toàn xã có 32 trạm BTS.
- Tổng số thuê bao điện thoại di động: 17.800 thuê bao.
- Tổng thuê bao Internet: 3.150 thuê bao.
- Có 03 phòng họp trực tuyến theo quy định.

2. Số hóa thủ tục hành chính

Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đạt 99%, Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ đạt 93%. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 90%.

- 100% hồ sơ, kết quả TTHC trực tuyến toàn trình được xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ sở dữ liệu và dữ liệu số

- Đã đưa vào khai thác 27 cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành dùng chung.
- Kết nối, khai thác dữ liệu với nhiều CSDL quốc gia và chuyên ngành: dân cư, bảo hiểm xã hội, thuế, đất đai, đăng ký kinh doanh, hộ tịch, giáo dục, y tế...
- Kết quả làm sạch, đồng bộ dữ liệu chuyên ngành:
 - + Dữ liệu học sinh đạt 100 %;
 - + 100% dữ liệu khai sinh đã được số hóa;

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật, quản lý trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

4. Vận hành hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành kết nối liên thông 100% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Trong Quý I năm 2026: Tổng số văn bản đến hoàn toàn bằng điện tử 19.973 văn bản, 100% văn bản điện tử (Trong đó: Văn bản nội tỉnh có ký số là 18.097, văn bản nội tỉnh không ký số 832 văn bản); tổng số văn bản đi 1.429, 100% văn bản điện tử (Trong đó: Văn bản nội tỉnh có ký số là 1.326, văn bản nội tỉnh không ký số 103 văn bản).

- Hệ thống thư điện tử công vụ hoạt động ổn định.

- UBND xã có 46 chữ ký số cá nhân, tổ chức được cấp và sử dụng thường xuyên trong xử lý công việc.

5. An toàn, an ninh thông tin

- 100% máy tính tại các cơ quan, đơn vị được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền.

6. Bảo đảm tính liên tục hoạt động hệ thống

- 100% hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp được triển khai giải pháp sao lưu, dự phòng.

- Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ QUÝ I NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các phòng, ban, ngành

a) Kết quả đạt được:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ và xuyên suốt được xác định là nền tảng cốt lõi, quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số. Trong Quý I năm 2026, Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã và các cơ quan trên địa bàn đã thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ, tập trung nguồn lực và thực hiện các cơ chế, chính sách kịp thời để dẫn dắt, định hướng và tổ chức thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai nghiêm túc và bài bản trên địa bàn xã, tạo sự thống nhất và đồng bộ trong hành động:

Đối với việc thành lập Ban Chỉ đạo và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án số 06: UBND xã đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

và Đề án 06 tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, trong đó Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban chỉ đạo. Thành lập 01 Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xã Phong Thổ do đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách lĩnh vực Văn hóa – Xã hội làm Tổ trưởng. Kiện toàn 48 “Tổ công nghệ số cộng đồng” với 144 thành viên; BCD xã đã thể hiện vai trò nòng cốt, chủ động, tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các hoạt động chuyển đổi số theo đúng lộ trình, kế hoạch đề ra.

Ban hành Kế hoạch kịp thời, đồng bộ: Trên cơ sở Kế hoạch số 8419/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh, UBND xã đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 09/02/2026 của UBND xã Phong Thổ về Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã Phong Thổ, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo cấp trên: Các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và của tỉnh.

Để đảm bảo tổ chức thực hiện chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về bảo đảm chính quyền địa phương 2 cấp tiếp tục vận hành ổn định, thông suốt, UBND xã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Phong Thổ đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. Trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND xã đã chủ động kịp thời tham mưu UBND xã chỉ đạo tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo, điều hành vẫn còn một số điểm cần khắc phục:

Thiếu tính chủ động, đồng bộ trong phối hợp: Một số thành viên BCD ở một số đơn vị còn chưa chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp cụ thể. Công tác phối hợp giữa các đơn vị có lúc, có việc còn thiếu đồng bộ, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao.

Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên tại một số: Việc theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, gây khó khăn trong việc điều chỉnh, bổ sung kịp thời các giải pháp phù hợp.

Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức còn hạn chế: Các hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số còn chưa đa dạng, chưa lan tỏa sâu rộng, đặc biệt là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi người dân còn hạn chế trong việc tiếp

cận Internet và các phương tiện truyền thông số. Những tồn tại trong công tác chỉ đạo, điều hành này đã bộc lộ rõ nhất qua quá trình triển khai trụ cột trọng tâm là phát triển Chính quyền số.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

+ Để hoàn thiện thể chế trong thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, xã đã ban hành các kế hoạch, văn bản trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹. Thực hiện 389 Danh mục TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính, trên cơ sở các TTHC được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền được các bộ, cơ quan ngang bộ công bố, công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC, cấu hình, xây dựng quy trình điện tử của xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; khai báo hoàn thành cập nhật Danh mục cơ quan và đơn vị hành chính xã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tính phù hợp: Cần tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và nguồn lực của xã.

Tính thường xuyên: Công tác chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền về chuyển đổi số có lúc, có việc chưa thường xuyên.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Tổng số trạm BTS trên địa bàn xã là 32 trạm. Tổng thuê bao di động là 17.800. Tổng số thuê bao Internet là 3.150 thuê bao.

Hạ tầng số luôn được quan tâm, triển khai đồng bộ, đã trang bị máy tính để thực hiện công vụ cho 100% công chức, viên chức. Việc triển khai kết nối với các Hệ thống CNTT về Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư được thực hiện. Các

¹ Công văn số 119-CV/ĐU ngày 15/9/2025 về triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng những tháng cuối năm 2025; Công văn số 140-CV/ĐU ngày 26/9/2025 về Triển khai thực hiện Thông báo 44/TB-TGV ngày 12/9/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công văn 160-CV/ĐU ngày 06/10/2025 về tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Công văn số 167-CV/ĐU ngày 09/10/2025 về triển khai thực hiện Thông báo số 06-TB/CQTTBCD ngày 27/9/2025 của Cơ quan Thường trực BCĐ Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công văn số 209-CV/ĐU ngày 20/10/2025 về triển khai thực hiện Thông báo số 10-TB/VPTU ngày 16/10/2025 của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban CD thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; Kế hoạch số 12-KH/ĐU, ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 29-QĐ/ĐU, ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xã Phong Thổ. Kế hoạch 112-KH/ĐU ngày 23/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về chuyển đổi số xã năm 2026 với 17 nhiệm vụ trọng tâm.

đơn vị đã nỗ lực đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cơ bản, phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn và điều hành.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện kết nối đến 100% các Sở, ban, ngành tỉnh với tốc độ trung bình là 31 Mbps; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: đã triển khai đến các điểm cầu, ngoài ra còn ứng dụng các hệ thống học trực tuyến, họp trực tuyến theo các hình thức Web Conferencing, Video Conference... 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính để thực hiện công vụ, có kết nối cáp quang; 100% phòng, ban, ngành, cơ quan kết nối mạng LAN. Duy trì kết nối ổn định, phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống nội bộ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Trên địa bàn xã hiện còn 05 bản lǎm sóng, chỉ có sóng 3G ở các bản: La Vân, U Gia, Na Sa Phìn, Hoàng Trù Sào, Pờ Ma Hồ gây khó khăn trong việc phổ cập dịch vụ trực tuyến và triển khai chuyển đổi số toàn diện.

Dù có nhiều nỗ lực, nền tảng hạ tầng của xã vẫn còn tồn tại những điểm yếu mang tính hệ thống cần được ưu tiên giải quyết.

Trang thiết bị lỗi thời, xuống cấp: Tình trạng trang thiết bị, đặc biệt là máy tính đã cũ, hết khấu hao và thường xuyên hỏng hóc là vấn đề phổ biến ở nhiều cơ quan, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả công việc.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Để thu hút nguồn nhân lực cao dành cho KHCN và CDS, UBND xã tiếp tục tuyên truyền Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sỹ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trong đó có mức thu hút dành cho người có trình độ chính quy lĩnh vực công nghệ thông tin: tốt nghiệp loại giỏi trở lên được hỗ trợ 150 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá được hỗ trợ 100 triệu đồng.

UBND xã đã phối hợp mở 01 lớp tập huấn với số lượng là 60 học viên vào ngày 09/4/2026

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được triển khai rộng khắp; 100% cán bộ, công chức, viên chức đã được tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.

Ứng dụng công nghệ được triển khai, áp dụng trong ngành giáo dục ghi nhận tỷ lệ rất cao, với trên 90% nhà giáo sử dụng CNTT trong giảng dạy và 80% sử dụng thành thạo ít nhất một nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI).

Tham gia tập huấn và tự học trên Cổng thông tin Bình dân học vụ số của quốc gia tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.gov.vn>. Phối hợp tổ chức tập huấn (trực tuyến và trực tiếp) cho cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC và tại Bộ phận một cửa, ưu tiên nhất là trung tâm phục vụ hành chính công xã. T

Tổ chức tuyên truyền Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và Thông tư số 23/2025/TTBKHCN ngày 20/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó nêu rõ việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức chuyển đổi số, công nghệ thông tin là 5 triệu đồng/tháng, áp dụng từ 15/8/2025.

b) Tồn tại, hạn chế:

UBND xã vẫn đang thiếu nhân lực chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin. Phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản, chưa có bằng cấp chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm dẫn đến bị động khi xử lý sự cố và hạn chế trong việc tham mưu, triển khai các giải pháp công nghệ mới.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): đã hoàn thiện và được đưa vào vận hành, được kết nối với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Nền tảng thường xuyên được cập nhật đảm bảo sự kết nối và liên thông dữ liệu hiệu quả giữa các sở, ngành trong tỉnh và từ cấp tỉnh, xã đến trung ương nhằm tạo ra một hệ sinh thái dữ liệu thông suốt và đồng bộ từ địa phương đến trung ương.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành kết nối liên thông tới 100% cơ quan Đảng, các ban ngành đoàn thể, đã thực hiện việc kết nối với tỉnh trên Trục liên thông văn bản quốc gia, để gửi nhận văn bản điện tử trung bình hơn 100.000 văn bản/năm. Hệ thống thư điện tử công vụ đảm bảo an toàn bảo mật trong giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Chữ ký số của các cá nhân, tổ chức đang hoạt động để thực hiện xác thực điện tử trên môi trường số trong các hoạt động công vụ của hệ thống chính trị và giao dịch với người dân, doanh nghiệp.

Xã đã đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, bảo hiểm xã hội... và tích cực xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục, đất đai, nông nghiệp, du lịch... Khai thác 27 cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành.

Đạt được những kết quả ấn tượng trong việc làm sạch và đồng bộ dữ liệu chuyên ngành với CSDL quốc gia về dân cư, cụ thể: Dữ liệu học sinh đạt 100%; hoàn thành số hóa 100% dữ liệu khai sinh. Các nền tảng chuyên ngành đã được hình thành và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu về trồng trọt, thủy lợi, góp phần số hóa các ngành kinh tế trọng điểm.

Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ 99%, Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ 93%. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 90%.100% hồ sơ, kết quả TTHC trực tuyến toàn trình được xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị được cập nhật trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế:

Các kết nối giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành TW với địa phương liên tục phát sinh và thay đổi kỹ thuật kết nối nên thường xuyên phải hiệu chỉnh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Nhiều Hệ thống dữ liệu chưa được kết nối hoàn chỉnh dẫn tới việc thiếu hoặc chưa đáp ứng đúng yêu cầu.

Dữ liệu phân mảnh, thiếu liên thông: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành còn chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ.

Vùng lõm sóng và chất lượng Internet không đồng đều: Tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, chất lượng kết nối Internet còn yếu và không ổn định, gây cản trở lớn cho việc tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và triển khai các mô hình giáo dục số.

Để vận hành hiệu quả hạ tầng và khai thác dữ liệu số, việc phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực và đảm bảo an toàn thông tin là các yếu tố then chốt.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Các biện pháp cơ bản được thực hiện đồng bộ tại hầu hết các cơ quan, như tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trang bị 100% máy trạm phần mềm diệt virus có bản quyền. Các hệ thống thông tin trọng yếu đã được chú trọng bảo vệ. Lực lượng Công an xã đã phát huy vai trò nòng cốt, triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tấn công mạng, góp phần bảo vệ an toàn cho các hệ thống thông tin của xã.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số giải pháp an toàn thông tin hiện có chưa theo kịp với các hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi, phức tạp. Việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ chưa được thực hiện thường xuyên. Nhận thức về các nguy cơ an ninh mạng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Xây dựng Chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đổi mới phương

thức hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới mục tiêu phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Trong bối cảnh của xã Phong Thổ, mục tiêu này được cụ thể hóa thông qua việc số hóa và đơn giản hóa TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và hiện đại hóa hoạt động quản lý, điều hành nội bộ bằng công nghệ. Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phong Thổ. Vận hành các Hệ thống Thông tin Trọng yếu: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) được triển khai đồng bộ, đảm bảo 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế:

Dù đạt nhiều chuyên biến tích cực, quá trình xây dựng Chính quyền số vẫn đối mặt với các rào cản mang tính hệ thống:

Thiếu sự kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống dữ liệu: Nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu một cách thông suốt, gây khó khăn cho việc khai thác và tái sử dụng thông tin.

Hạ tầng và trang thiết bị tại xã còn thiếu: Cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số và giải quyết TTHC còn thiếu và chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tại cơ sở.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến còn thấp: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến của đơn vị còn đạt thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do thói quen sử dụng tiền mặt của người dân và hạn chế về thiết bị thông minh, tài khoản ngân hàng ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Lĩnh vực Kinh tế số: Các hoạt động Kinh tế số tập trung vào phát triển thương mại điện tử (TMĐT), du lịch thông minh và số hóa sản xuất công nghiệp. Tích cực tham gia sàn thương mại điện tử tại địa chỉ <https://laichau.biz>.

- Lĩnh vực Xã hội số:

Các hoạt động Xã hội số tập trung vào y tế, giáo dục, truyền thông đa ngôn ngữ và thanh toán không dùng tiền mặt. Triển khai Chiến dịch "Tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID" tại trạm y tế xã Phong Thổ. Số lượng người dân được hỗ trợ tích hợp sổ sức khỏe điện tử trên VNeID là 8.595 người dân. Số lượng người dân đã khai báo y tế, theo dõi tiêm chủng, bệnh lý trên ứng dụng là 6.020 người (đạt 35,8% dân số trưởng thành). Thẻ BHYT tích hợp vào VNeID: Đã tích hợp cho hơn 8.598 người dân có tài khoản VNeID mức 2 (tương đương 50,3% dân số trưởng thành có tài khoản mức 2).

Thực hiện khám, chữa bệnh BHYT dùng căn cước công dân và ứng dụng VNeID thay cho thẻ BHYT. Đã cấp chứng thư số cho đội ngũ bác sỹ để thực

hiện ký số đơn thuốc điện tử và triển khai Bệnh án điện tử.

Đã chỉ đạo triển khai Học bạ số áp dụng chính thức cho 100% học sinh cấp Tiểu học, THCS, THPT. 100% cơ sở giáo dục đã triển khai hệ thống quản trị nhà trường và ứng dụng công nghệ trong dạy học. Phổ cập kỹ năng số và bồi dưỡng kỹ năng Trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến toàn xã đạt 60%

Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt như Momo, VNPay ViettelPay, và khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt trong nộp phí kiểm định, giá kiểm định, phí bảo trì đường bộ.

Đẩy mạnh triển khai dịch vụ thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Khuyến khích sử dụng tài khoản thanh toán trực tuyến

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hạn chế về thanh toán số và Dịch vụ công:

Nguyên nhân chính là do người dân vẫn quen với hình thức giao dịch tại bộ phận một cửa, khả năng tiếp cận thông tin, trình độ và phương tiện máy móc (điện thoại thông minh, tài khoản ngân hàng) của người dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

- Hạn chế trong Kinh tế số (Doanh nghiệp và Du lịch):

Thương mại điện tử: Việc ứng dụng TMĐT của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã còn hạn chế; doanh nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ, chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của chuyển đổi số, thiếu vốn và nhân lực.

Du lịch số: thiếu kinh phí để triển khai dự án, dữ liệu số hóa còn hạn chế chưa được chuẩn hóa và không có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Hạn chế trong Xã hội số (Giáo dục và Y tế):

Giáo dục số: Tỷ lệ học sinh có thiết bị học tập số còn thấp dẫn đến khó khăn trong việc phổ cập học tập số và dạy học trực tuyến ở vùng sâu, vùng xa.

Y tế số: Tiến độ làm giàu dữ liệu trong Hồ sơ sức khỏe điện tử còn chậm do các đơn vị khám, chữa bệnh cần hoàn thiện hệ thống phần mềm để chuyển dữ liệu theo quy định mới của Bộ Y tế.

9. Kinh phí thực hiện Kết quả bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước Quý I năm 2026, như sau:

Kinh phí cho chuyển đổi số: Tổng kinh phí cho chuyển đổi số giao 200 triệu đồng. Hiện đang tiến hành thực hiện, dự kiến phục vụ công tác mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số, dự kiến sẽ giải ngân trong quý III năm 2026.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về chuyển đổi số được triển khai quyết liệt. Hệ thống hạ tầng và nền tảng số được quan tâm đầu tư. Các hoạt động quản lý nhà nước từng bước được số hóa. Người dân ngày càng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

2. Hạn chế

Hạ tầng công nghệ thông tin tại một số khu vực còn hạn chế. Nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin tại xã còn thiếu. Nhận thức và kỹ năng số của người dân chưa đồng đều.

3. Nguyên nhân

Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn khó khăn. Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế. Một số hướng dẫn chuyên ngành từ cấp trên chưa kịp thời.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2026

Tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị và nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính. Phát triển hạ tầng số, đảm bảo kết nối internet ổn định. Nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân. Phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức xã.

Đề nghị tỉnh tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. Hỗ trợ triển khai các nền tảng số dùng chung nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trưởng các thôn, bản, TDP;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Khắc Tấn